

MÔI TRƯỜNG - SINH THÁI

TÌNH HÌNH KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG CÁC LOÀI BÒ SÁT Ở TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Ngô Đắc Chứng, Phạm Văn Thương*

1. Đặt vấn đề

Những năm gần đây tình hình buôn bán, khai thác động vật hoang dã ở Việt Nam đang ngày một gia tăng, chỉ trong một thời gian ngắn danh sách các loài động vật hoang dã sắp bị tuyệt chủng của Việt Nam đã tăng lên đáng kể. Theo *Sách đỏ Việt Nam* năm 2007, tại Việt Nam có 418 loài động vật đang bị đe dọa ngoài thiên nhiên, tăng 167 loài so với năm 1992 trong đó có 116 loài động vật coi là rất nguy cấp [1].

Thừa Thiên Huế (TTH) với đặc điểm vị trí địa lý có đủ cả 4 vùng sinh thái động vật: vùng núi, vùng gò đồi, đồng bằng duyên hải và đầm phá biển ven bờ, trong đó nổi bật là hệ sinh thái động vật Vườn Quốc gia Bạch Mã và hệ sinh thái đầm phá Tam Giang-Cầu Hai đã tạo nên những khu hệ động vật rất phong phú về thành phần loài và đa dạng về hình thái cũng như sự phân bố. Theo Tổ chức Bảo tồn Thiên nhiên và Tài nguyên thiên nhiên Thế giới (IUCN), Thừa Thiên Huế có 78 loài bò sát thuộc 17 họ, 2 bộ, trong đó có 5 loài đặc hữu, đáng chú ý là có hơn 25% số loài được liệt vào động vật có nguy cơ tuyệt chủng [5].

Việc buôn bán, khai thác động vật hoang dã ở TTH không rầm rộ như ở các thành phố lớn nhưng cũng đang ngấm ngấm diễn ra không kém quy mô. Các hoạt động này được thực hiện với nhiều mức độ khác nhau, từ quy mô nhỏ như người dân đi săn bắt bán lại cho các nhà hàng đến việc đi thu mua của các thương lái và các đầu mối xuất khẩu. Đặc biệt là các loài bò sát như rồng đất, nhông cát, ba ba, rắn ráo thường, rắn hổ mang, rắn hổ chúa, trăn... thường bị săn bắt và bán tại các chợ, nhà hàng, thương lái với nhiều mục đích khác nhau. Thịt rắn được xem là một món ăn thượng hạng và bổ dưỡng với mỗi ký thịt có thể có giá từ 250 nghìn đến 1,2 triệu đồng. Các loài bò sát không chỉ được dùng làm thực phẩm mà còn được sử dụng để ngâm rượu, làm thuốc. Mỗi bình rượu rắn có thể có giá từ 100 nghìn đồng đến 3 triệu đồng tùy theo loài và số lượng cá thể trong bình.

Với tình hình khai thác ngày một tăng đã ảnh hưởng một cách nghiêm trọng đến nguồn tài nguyên động vật, đặc biệt là các loài bò sát. Hậu quả là làm mất cân bằng sinh thái mà con người là chủ thể bị thiệt thòi nhiều nhất.

Mấy năm gần đây việc điều tra, khảo sát tình hình khai thác và sử dụng các loài bò sát đã được quan tâm. Tuy nhiên, vẫn chưa có một sự đánh giá đầy đủ và chính xác, mặt khác tình hình khai thác và sử dụng ở mỗi thời điểm khác nhau là không giống nhau. Việc gây nuôi các loài bò sát, đặc biệt là rắn đã được tiến hành từ những năm 80 của thế kỷ trước. Cơ sở nuôi quy mô bán công

* Trường Đại học Sư phạm Huế.

nghiệp đầu tiên ở Việt Nam là Trại nuôi rắn Vĩnh Sơn thuộc huyện Vĩnh Lạc, tỉnh Vĩnh Phú (nay là tỉnh Vĩnh Phúc). Cuộc điều tra khảo sát về công nghệ làm rượu rắn tại các thành phố du lịch lớn ở Việt Nam được Ruchira Somaweera và Nilusha Somaweera thực hiện (2009). Kết quả thu được tổng cộng qua điều tra có 916 bình rượu rắn với 1.924 cá thể thuộc hơn 20 loài đã được ghi nhận từ 127 điểm có bán rượu rắn [8]. Về buôn bán động vật hoang dã, gần đây một bài viết trên tờ *Science* (2012) cho rằng Việt Nam là một trong những nước hàng đầu tiêu dùng và xuất khẩu động vật hoang dã và được xem là nơi mua động vật hoang dã từ Lào, Campuchia và Myanmar để bán sang Trung Quốc. Trong vòng 10 năm, chính quyền đã giải cứu hơn 180.000 động vật bị buôn bán bất hợp pháp và con số này chỉ chiếm từ 5-10% số động vật buôn bán hàng năm [6].

Để có cơ sở đề xuất những giải pháp hợp lý giữa việc khai thác và bảo tồn các loài bò sát, vừa qua chúng tôi đã tiến hành đề tài điều tra tình hình khai thác và sử dụng các loài bò sát ở tỉnh TTH.

2. Thời gian, địa điểm và phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện trên địa bàn tỉnh TTH gồm thị xã Hương Thủy, thành phố Huế và 7 huyện: Phong Điền (PD), Hương Trà (HT), Quảng Điền (QĐ), A Lưới (AL), Nam Đông (ND), Phú Vang (PV), Phú Lộc (PL). Trong thời gian thực hiện từ đầu tháng 12/2012 đến đầu tháng 6/2013, đã điều tra được 84 điểm có khai thác và sử dụng các loài bò sát. Nghiên cứu bằng cách thu thập số liệu thông qua phiếu điều tra và phỏng vấn trực tiếp hoặc gián tiếp các nội dung liên quan đến việc khai thác và sử dụng các loài bò sát. Định loại bằng các tài liệu tra cứu nhanh của Nguyen Van Sang *et al.* (2009) [7], Hendrie D. B. *et al.* (2011) [4].

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Thành phần loài bò sát bị khai thác và sử dụng tại tỉnh TTH

Qua điều tra 84 điểm trên địa bàn tỉnh TTH, bước đầu chúng tôi thu thập được 25 loài thuộc 3 bộ, 14 họ của lớp Bò sát đang bị khai thác và sử dụng với nhiều hình thức. Trong đó có 18 loài thuộc bộ Có vảy (Squamata) (chiếm 72% tổng số loài điều tra), 6 loài thuộc bộ Rùa (Testudinata) (chiếm 24% tổng số loài), 1 loài thuộc bộ Cá sấu (Crocodylia) (chiếm 4% tổng số loài). Họ Rắn nước chiếm nhiều nhất với 7 loài, họ Rắn hổ 5 loài, họ Rùa đầm 2 loài, còn lại các họ khác chỉ có 1 loài.

Bảng 1: Thành phần loài bò sát bị khai thác và sử dụng tại tỉnh TTH

TT	Tên loài		
	Tên Việt Nam	Tên địa phương	Tên khoa học
(1)	(2)	(3)	(4)
	I. Bộ Có vảy		Squamata
	1. Họ Rắn nước		Colubridae
1	Rắn ráo thường	Rắn lổng	<i>Ptyas korros</i> (Schlehel, 1837)
2	Rắn ráo trâu	Rắn hổ trâu	<i>Ptyas mucosus</i> (Linnaeus, 1758)
3	Rắn sọc dưa	Rắn nẹp nong	<i>Coelognathus radiatus</i> (Boie, 1827)
4	Rắn vôi	Rắn vôi	<i>Rhynchophis boulengeri</i> (Mocquardt, 1897)
5	Rắn hổ mây hamton	Hổ mây	<i>Pareas hamptoni</i> (Boulenger, 1905)
6	Rắn nước chính thức	Rắn nước	<i>Xenochorophis piscator</i> (Schneider, 1799)
7	Rắn cườm	Rắn cườm	<i>Chrysopelea ornata</i> (Shaw, 1802)

(1)	(2)	(3)	(4)
8	2. Họ Rắn hổ Rắn cạp nong	Rắn mai	Elapidae <i>Bungarus fuscatus</i> (Schneider, 1801)
9	Rắn cạp nia	Rắn hùm	<i>Bungarus candidus</i> (Linnaeus, 1758)
10	Rắn hổ chúa	Hổ chúa	<i>Ophiophagus hannah</i> (Cantor, 1836)
11	Rắn hổ mang nam	Hổ đất	<i>Naja kaouthia</i> (Lesson, 1831)
12	Rắn hổ mang bắc	Hổ mang	<i>Naja atra</i> (Linnaeus, 1758)
13	3. Họ Rắn lục Rắn lục mép	Rắn lục	Viperidae <i>Trimeresurus albolabris</i> (Gray, 1842)
14	4. Họ Trăn Trăn đất	Trăn	Boidae <i>Python molurus</i> (Linnaeus, 1758)
15	5. Họ Rắn biển Đền cạp nong	Đền	Hydrophiidae <i>Hydrophis fasciatus atriceps</i> (Gunnthe, 1864)
16	6. Họ Tắc kè Tắc kè	Tắc kè	Gekkonidae <i>Gekko gecko</i> (Linnaeus, 1758)
17	7. Họ Nhông Rồng đất	Kỳ nhông	Agamidae <i>Physingathus coscinnus</i> (Cuvier, 1829)
18	8. Họ Kỳ đà Kỳ đà	Kỳ đà	Varanidae <i>Varanus salvator</i> (Laurenti, 1786)
19	II. Bộ Rùa 9. Họ Rùa đầm Rùa cổ sọc	Rùa cổ sọc	Testudinata Emyidae <i>Mauremys sinensis</i> (Gray, 1834)
20	Rùa hộp ba vạch	Rùa hộp	<i>Cuora trifasciata</i> (Bell, 1825)
21	10. Họ Rùa hộp Rùa tai đỏ	Rùa tai đỏ	Emyidae <i>Trachemys scripta elegans</i> (Wied, 1838)
22	11. Họ Rùa đầu to Rùa đầu to	Rùa mỏ keo	Platysternidae <i>Platysternon megacephalum</i> (Gray, 1831)
23	12. Họ Vích Rùa biển	Vích	Cheloniidae <i>Cheloni amydas</i> (Linnaeus, 1758)
24	13. Họ Ba ba Ba ba trơn	Ba ba	Trionychidae <i>Pelodiscus sinensis</i> (Wiegmann, 1835)
25	III. Bộ Cá sấu 14. Họ Cá sấu Cá sấu xiêm	Cá sấu	Crocodylia Crocodylidae <i>Crocodylus siamensis</i> (Schneider, 1801)

3.2. Mục đích sử dụng các loài bò sát

Như đã trình bày ở trên, số lượng các loài bò sát bị khai thác và sử dụng có tới 25 loài tại 84 điểm điều tra. Tuy nhiên, chúng lại được sử dụng với nhiều mục đích khác nhau. Làm thực phẩm có 31 điểm (chiếm 36,90% tổng số điểm điều tra), buôn bán 9 điểm (chiếm 10,71% tổng số điểm điều tra), ngâm rượu 34 điểm (chiếm 40,48% tổng số điểm điều tra), gây nuôi 8 điểm (chiếm 9,52% tổng số điểm điều tra) và kỹ nghệ, mỹ nghệ 2 điểm (chiếm 2,38% tổng số điểm điều tra) (Bảng 2).

Bảng 2: Mục đích sử dụng các loài bò sát

TT	Tên loài		Thực phẩm (31/84)	Buôn bán (9/84)	Ngâm rượu (34/84)	Gây nuôi (8/84)	Kỹ nghệ, mỹ nghệ (2/84)
(1)	Tên Việt Nam	Tên khoa học	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Rắn ráo thường	<i>Ptyas korros</i> (Schlehel, 1837)	20 ^(*)	9	32	1	
2	Rắn ráo trâu	<i>Ptyas mucosus</i> (Linnaeus, 1758)		8	5		
3	Rắn sọc dưa	<i>Coelognathus radiatus</i> (Boie, 1827)	20	9	27		
4	Rắn vôi	<i>Rhynchophis boulengeri</i> (Mocquardt, 1897)			2		
5	Rắn hổ mây hamton	<i>Pareas hamptoni</i> (Boulenger, 1905)			1		

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
6	Rắn nước chính thức	<i>Xenochorophis piscator</i> (Schneider, 1799)			1		
7	Rắn cuồn	<i>Chrysopelea ornata</i> (Shaw, 1802)			1		
8	Rắn cạp nong	<i>Bungarus fasciatus</i> (Schneider, 1801)	18	9	30		
9	Rắn cạp nia	<i>Bungarus candidus</i> (Linnaeus, 1758)			5		
10	Rắn hổ chúa	<i>Ophiophagus hannah</i> (Cantor, 1836)	18	9	19		
11	Rắn hổ mang nam	<i>Naja kaouthia</i> (Lesson, 1831)	18	9	23		
12	Rắn hổ mang bắc	<i>Naja atra</i> (Linnaeus, 1758)	18	9	12		
13	Rắn lục mép	<i>Trimeresurus albolabris</i> (Gray, 1842)			3		
14	Trăn đất	<i>Python molurus</i> (Linnaeus, 1758)		9	3		2
15	Đen cạp nong	<i>Hydrophis fasciatus atriceps</i> (Gunnthe, 1864)			1		
16	Tắc kè	<i>Gekko gekko</i> (Linnaeus, 1758)			8		
17	Rồng đất	<i>Physingathus coscinnus</i> (Cuvier, 1829)	28	9	15	1	
18	Kỳ đà	<i>Varanus salvator</i> (Laurenti, 1786)	10	2	2		
19	Rùa cổ sọc	<i>Mauremys sinensis</i> (Gray, 1834)			1		
20	Rùa hộp ba vạch	<i>Cuora trifasciata</i> (Bell, 1825)			2		
21	Rùa tai đỏ	<i>Trachemys scripta elegans</i> (Wied, 1838)				1	
22	Rùa đầu to	<i>Platysternon megacephalum</i> (Gray, 1831)		1			
23	Rùa biển	<i>Cheloni amydas</i> (Linnaeus, 1758)				1	
24	Ba ba trơn	<i>Pelodiscus sinensis</i> (Wiegmann, 1835)	31	9	3	2	
25	Cá sấu xiêm	<i>Crocodylus siamensis</i> (Schneider, 1801)				2	2
Tổng số loài bị sử dụng			9	12	21	6	2

Ghi chú: (*) Số điểm điều tra.

Các loài bò sát đã được khai thác và sử dụng với các mục đích:

- Thực phẩm: 9 loài bị sử dụng làm thực phẩm (chiếm 36% trong tổng số loài). Trong đó chiếm chủ yếu là các loài như rắn ráo thường, rắn sọc dưa có mặt ở 20 điểm trong 31 điểm điều tra đang sử dụng làm thực phẩm (chiếm 64,52%); rắn hổ mang, rắn hổ chúa, cạp nong có mặt ở 18 điểm trong 31 điểm điều tra được sử dụng làm thực phẩm (chiếm 58,06%); đặc biệt rồng đất (kỳ nhông) có mặt tại 28 điểm (chiếm 90,32%) và ba ba có mặt 100% ở các điểm sử dụng chúng làm thực phẩm. Thịt rắn được xem là thức ăn thượng hạng và bổ dưỡng. Ở nhà hàng thì một con rắn có thể được chế biến thành nhiều món khác nhau như da rắn xào xả, thịt rắn bóp, xương rắn nấu cháo, mật, tiết và nọc thì hòa vào rượu để uống..., hầu như sử dụng được tất cả những bộ phận của rắn.

- Buôn bán: Qua điều tra xác nhận có 12 loài được các lái buôn thu mua và bán lại với nhiều hình thức như thu gom nhỏ lẻ cho đến các lái buôn thu mua số lượng lớn để xuất khẩu sang Trung Quốc, Lào... Còn số nhỏ lẻ thì được phân phối ngay tại các nhà hàng, trong đó chủ yếu là các loài như rắn ráo thường, rắn ráo trâu, hổ chúa, hổ mang, trăn, rồng đất.

- Ngâm rượu: Trong 21 loài được sử dụng để ngâm rượu có tới 15 loài là rắn (chiếm 71,43%), 3 loài rùa và 3 loài thằn lằn (tắc kè, kỳ nhông, kỳ đà). Mục đích ngâm rượu dùng để uống trị bệnh xương khớp và tăng cường sức khỏe, một số ngâm để bán với giá từ 100 nghìn đồng/1 bình cho tới 4 triệu đồng/1 bình tùy theo số lượng cá thể trong bình và tùy theo loài. Thường thì rắn hổ chúa có giá cao nhất, một bình dung tích 2 lít có 1 con hổ chúa có giá từ 2-3 triệu đồng.

- Gây nuôi: Tình hình gây nuôi các loài bò sát ở TTH vẫn chưa được quan tâm đúng mức. Chỉ có 6 loài được gây nuôi là: rắn ráo thường, rồng đất, ba ba trơn, rùa tai đỏ, rùa biển và cá sấu xiêm. Trong 8 điểm có gây nuôi thì chỉ có

1 điểm được nuôi với quy mô trang trại nhỏ, 2 điểm nuôi quy mô hộ gia đình 3 điểm nuôi để làm cảnh và 2 điểm nuôi đã bỏ trống do nhiều nguyên nhân trong đó nguyên nhân chủ yếu là không có kỹ thuật chăm sóc đúng nên phần lớn bị thất bại.

- Kỹ nghệ và mỹ nghệ thì có 2 điểm tại thành phố Huế trưng bày và bán các sản phẩm được làm từ da cá sấu, da trăn như ví, thắt lưng, giày, dép... với giá từ vài trăm ngàn cho đến vài triệu.

3.3. Mức độ quý hiếm của các loài bò sát bị khai thác và sử dụng

Trong 25 loài bò sát bị khai thác và sử dụng tại tỉnh TTH có 16 loài cần được bảo tồn (chiếm 64% tổng số loài). Trong số này có 14 loài có tên trong *Sách đỏ Việt Nam* (2007), xếp theo mức độ: 4 loài ở mức xếp hạng rất nguy cấp (CR), 7 loài nguy cấp (EN) và 3 loài sắp nguy cấp (VU). Theo *Danh lục đỏ thế giới IUCN* (2012): có 1 loài rất nguy cấp (CR), 2 loài nguy cấp (EN), 1 loài sắp nguy cấp (VU), 1 loài sắp bị đe dọa (NT), 3 loài cần nhắc đưa vào Danh lục đỏ (LC). Có 7 loài nằm trong nhóm IIB (hạn chế khai thác và sử dụng), 2 loài nằm trong nhóm IB (ng nghiêm cấm khai thác và sử dụng) theo Nghị định 32/2006/NĐ-CP. Có 6 loài nằm trong Công ước CITES (2006). Điều này cho thấy việc khai thác và sử dụng các loài bò sát ở tỉnh TTH đang diễn ra phức tạp, chưa được kiểm soát chặt chẽ theo đúng quy định (Bảng 3).

Bảng 3: Mức độ quý hiếm của các loài bò sát

TT	Tên loài		SDVN	IUCN	NĐ32	CITES
	Tên Việt Nam	Tên khoa học				
1	Rắn ráo thường	<i>Ptyas korros</i> (Schlehel, 1837)	EN			
2	Rắn ráo trâu	<i>Ptyas mucosus</i> (Linnaeus, 1758)	EN	LC	IIB	II
3	Rắn sọc dưa	<i>Coelognathus radiatus</i> (Boie, 1827)	VU			
4	Rắn cạp nong	<i>Bungarus fuscus</i> (Schneider, 1801)	EN	LC	IIB	
5	Rắn cạp nia	<i>Bungarus candidus</i> (Linnaeus, 1758)			IIB	
6	Rắn hổ chúa	<i>Ophiophagus hannah</i> (Cantor, 1836)	CR	VU	IB	II
7	Rắn hổ mang bắc	<i>Naja atra</i> (Linnaeus, 1758)	EN	LC	IIB	II
8	Trăn đất	<i>Python molurus</i> (Linnaeus, 1758)	CR	NT	IIB	II
9	Tắc kè	<i>Gekko gecko</i> (Linnaeus, 1758)	VU			
10	Rồng đất	<i>Physignathus coscinnus</i> (Cuvier, 1829)	VU			
11	Kỳ đà	<i>Varanus salvator</i> (Laurenti, 1786)	EN		IIB	II
12	Rùa cổ sọc	<i>Mauremys sinensis</i> (Gray, 1834)		EN		
13	Rùa hộp ba vạch	<i>Cuora trifasciata</i> (Bell, 1825)	CR	EN	IB	
14	Rùa đầu to	<i>Platysternon megacephalum</i> (Gray, 1831)	EN		IIB	
15	Rùa biển	<i>Cheloni amydas</i> (Linnaeus, 1758)	EN			
16	Cá sấu xiêm	<i>Crocodylus siamensis</i> (Schneider, 1801)	CR	CR	IB	I

Ghi chú: SDVN - *Sách đỏ Việt Nam* (2007): CR - Rất nguy cấp; EN - Nguy cấp; VU - Sẽ nguy cấp; IUNC - *Danh lục đỏ thế giới* (2012): CR-Rất nguy cấp; EN - Nguy cấp; VU - Sắp nguy cấp; NT - Sắp bị đe dọa; LC - Cần nhắc đưa vào Danh lục đỏ; NĐ 32: Nghị định 32/2006/NĐ-CP: IB - Nghiêm cấm khai thác sử dụng vì mục đích thương mại; IIB - Hạn chế khai thác sử dụng vì mục đích thương mại; CITES - Công ước CITES (2006): I - Các loài chưa có nguy cơ tuyệt chủng nhưng việc buôn bán chúng cần được kiểm soát để tránh nguy cơ tuyệt chủng; II - Các loài được phép buôn bán nhưng được kiểm soát.

3.4. Giá cả buôn bán của các loài bò sát ở các điểm nóng tại tỉnh Thừa Thiên Huế

Tình hình buôn bán động vật hoang dã ở Thừa Thiên Huế thật sự đáng lo ngại, đặc biệt là các loài bò sát. Qua điều tra 84 điểm có 9 thương lái đang hoạt động và có tới 12 loài đang được buôn bán trực tiếp trong tổng số 25 loài được điều tra. Đặc biệt là các điểm nóng như Bình Điền thuộc huyện Hương Trà, thị trấn Cầu Hai thuộc huyện Phú Lộc, thị trấn Khe Tre thuộc huyện Nam Đông và xã Phong Sơn, thị trấn An Lỗ thuộc huyện Phong Điền. Ở đây các thương lái đi gom hàng từ người dân săn bắt sau đó bán lại cho thương lái lớn hơn rồi tập trung lại vận chuyển hàng ra Bắc và xuất bán qua Trung Quốc hoặc cung cấp cho thị trường miền Bắc. Một số khác lại bán trực tiếp cho các nhà hàng tại tỉnh để sử dụng làm thực phẩm. Giá cả mỗi điểm có khác nhau song vẫn có một mức giá sàn chung nhất định (Bảng 4).

Bảng 4: Giá cả buôn bán của các loài bò sát tại tỉnh TTH

TT	Tên loài		Giá mua vào (1kg/ngàn đồng)	Giá bán ra (1kg/ngàn đồng)	Số lượng bán trong ngày (kg)	Các điểm điều tra
	Tên Việt Nam	Tên địa phương				
1	Rắn ráo thường	Rắn lổng	100-150	200-250	5,00	PD, PL, HT, NĐ
2	Rắn ráo trâu	Rắn hổ trâu	700-800	1,2tr-1,4tr	3,50	PD, PL
3	Rắn sọc dưa	Rắn nẹp nóng	50-100	150-200	3,00	PD,PL,HT,NĐ
4	Rắn cạp nong	Rắn mai	200-300	300-400	-	PD,PL,HT,NĐ
5	Rắn hổ chúa	Hổ chúa	1,2tr-2,2 tr	-	-	PD,PL,HT,NĐ
6	Rắn hổ mang nam	Hổ đất	600-800	800 - 1tr	0,60	PD,PL,HT,NĐ
7	Rắn hổ mang bắc	Hổ mang	600- 800	800 - 1tr	0,30	PD,PL,HT,NĐ
8	Trăn đất	Trăn	150-200	-	-	PD,PL,HT,NĐ
9	Rồng đất	Kỳ nhông	70-150	220-300	4,50	PD,PL,HT,NĐ,AL
10	Kỳ đà	Kỳ đà	600-700	1tr-1,2 tr	0,10	AL, PL
11	Rùa đầu to	Rùa mỏ keo	2,9tr-3,5tr	-	0,05	NĐ
12	Ba ba trơn	Ba ba	300-400	500-600	1,50	PD, PL, HT,NĐ,AL

Ghi chú: (-) chưa thống kê được

Đây là giá cả tại thời điểm điều tra, mức giá có thể dao động từ 100 đến 300 nghìn đồng tùy vào từng thời điểm. Các thương lái cho biết “vào mùa” thì giá có thể tăng cao hơn, tức vào các tháng mùa mưa từ tháng 8 đến tháng 12 âm lịch. Họ cho rằng đây là thời điểm giá các loài bò sát tăng cao nhất vì vào mùa này các hoạt động buôn bán diễn ra rầm rộ nhất bởi nguồn hàng lúc này dồi dào và các loài này đã ăn nhiều vào mùa hè và đến thời điểm ngủ đông nên việc vận chuyển và bán lại tỷ lệ hao hụt thấp. Riêng kỳ nhông, kỳ đà thì lượng hàng dồi dào nhất là vào khoảng tháng 3 đến tháng 5 âm lịch, nhất là sau những trận mưa giông chúng thường ra bờ suối uống nước và kiếm thức ăn, một người dân đi bắt một ngày có thể bắt được tới 20 đến 30kg.

4. Kết luận

Qua điều tra 84 điểm trên địa bàn tỉnh TTH, bước đầu chúng tôi ghi nhận được 25 loài thuộc lớp Bò sát (chiếm 32,05% tổng số loài toàn tỉnh), thuộc 14 họ (chiếm 82,35%) đang bị khai thác và sử dụng dưới nhiều hình thức. Trong đó có 16 loài cần được bảo tồn (chiếm 64% tổng số loài điều tra) với 14 loài có tên trong *Sách đỏ Việt Nam* (2007); 8 loài trong *Danh lục đỏ IUCN* (2012); 10 loài nằm trong Nghị định 32/2006/NĐ-CP; 6 loài có trong *Công ước CITES* (2006).

Về mục đích sử dụng, có 31 điểm khai thác làm thực phẩm, 34 điểm sử dụng để ngâm rượu, 2 điểm làm đồ mỹ nghệ, kỹ nghệ.

Về gây nuôi các loài bò sát thì chưa được phát triển nhiều, các mô hình nuôi chưa thực sự đem lại hiệu quả. Cần có hướng phát triển hơn nữa vấn đề gây nuôi để giảm gánh nặng cho việc khai thác ngoài tự nhiên.

N Ñ C - P V T

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Khoa học và Công nghệ, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam. *Sách đỏ Việt Nam* (Phần Động vật), Nxb Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, 2007, Hà Nội.
2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. “Danh mục các loài động vật, thực vật hoang dã quy định trong các phụ lục của Công ước CITES”, Quyết định số 54/2006/QĐ-BNN, 2006, Hà Nội.
3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Vườn Quốc gia Cúc Phương. *Bò sát và lưỡng cư Vườn Quốc gia Cúc Phương*, Nxb Nông nghiệp, 2003, Hà Nội.
4. Hendrie D. B., Bùi Đăng Phong, McCormack T., Hoàng Văn Hà, Van Dijk P. P.. *Sách hướng dẫn thi hành luật về định dạng các loài rùa cạn và rùa nước ngọt Việt Nam*, Nxb Giao thông Vận tải, 2011, Hà Nội.
5. IUCN. *The IUCN Red List of Threatened Species TM*, www.redlist.org, truy cập ngày 19/5/2011.
6. Nghiem L.T.P., Webb E.L. Carrasco L.R., 2012. “Saving Vietnam’s Wildlife Through Social Media”. *Science*, Vol. 338, pp. 192-193.
7. Nguyen Van Sang, Ho Thu Cuc, Nguyen Quang Truong. *Herpetofauna of Vietnam*, Edition Chimaira, 2009, Frankfurt am Main.
8. Somaweera R., Somaweera N. “Serpent in jars: the snake wine industry in Viet nam”, *JoTT Communication*, 2 (11), 2009, pp. 1251- 1260.
9. Võ Văn Chi, Nguyễn Đức Minh. *Rắn làm thuốc và thuốc trị rắn cắn*. Nxb Khoa học và Kỹ thuật, 2000, Hà Nội.

TÓM TẮT

Thừa Thiên Huế có lợi thế về vị trí địa lý nên có độ đa dạng sinh học cao về thành phần loài và đặc điểm phân bố. Tuy nhiên, từ nhiều năm qua đã xảy ra tình trạng khai thác quá mức các loài động vật hoang dã, đặc biệt là các loài bò sát. Vì vậy việc điều tra tình hình khai thác và sử dụng các loài bò sát ở tỉnh Thừa Thiên Huế nhằm mục đích góp phần bảo tồn và phát triển bền vững là vấn đề rất đáng quan tâm. Qua điều tra 84 điểm khai thác và sử dụng các loài bò sát, kết quả cho thấy có 25 loài thuộc 3 bộ, 14 họ của lớp Bò sát bị khai thác, sử dụng với các mục đích khác nhau. Có 31 điểm sử dụng làm thực phẩm, 9 điểm buôn bán, 34 điểm ngâm rượu, 8 điểm gây nuôi, 2 điểm sử dụng làm đồ kỹ nghệ và mỹ nghệ. Có 16 loài cần được bảo tồn (chiếm 64% tổng số loài điều tra).

ABSTRACT

SITUATION OF EXPLOITATION AND USAGE OF REPTILE SPECIES IN THỪA THIÊN HUẾ PROVINCE

Thanks to geographical advantages, Thừa Thiên Huế Province has a high level of biodiversity related to species composition and distribution characteristics. However, wild animals, especially reptiles, are exploited excessively. Therefore, it is necessary to carry out an adequate investigation of exploitation of reptiles for conservation and stable development. Results of investigations at 84 places show that there are 25 reptile species belonging to 3 orders and 14 families that have been used for many purposes. Reptiles are used as food in 31 places, for trading in 9 places, for wine industry in 34 places, for breeding in 8 places and for fine arts or industrial articles in 2 places. There are 16 species that need to be included in the conservation list of Vietnam (accounted for 64% of species).